

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI
PHÒNG THÔNG TIN XÚC TIẾN TM & ĐT

NHIỆM VỤ:
“THU THẬP, TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP
THÔNG TIN PHỤC VỤ TRIỂN KHAI HIỆP ĐỊNH UKVFTA”
NĂM 2023

BÁO CÁO
VỀ TÌNH HÌNH GIAO THƯƠNG ĐỐI VỚI
NGÀNH HÀNG DƯỢC PHẨM TRONG UKVFTA
THÁNG 10/2023

Cơ quan chủ quản: Bộ Công Thương

Cơ quan chủ trì: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Năm 2023

MỤC LỤC

Phần 1. Tình hình giao thương đối với ngành dược phẩm trong UKVFTA:	4
Phần 2. Cập nhật các quy định, chính sách.....	4
PHẦN I. TÌNH HÌNH GIAO THƯƠNG ĐỐI VỚI NGÀNH DƯỢC PHẨM TRONG HIỆP ĐỊNH UKVFTA.....	5
1. Phân tích hoạt động nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam từ các thị trường trong UKVFTA.....	5
2. Phân tích tình hình thương mại và thị trường dược phẩm của Vương quốc Anh.....	6
2.1. Tình hình nhập khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh	6
2.2. Tình hình xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh	14
3. Danh sách các công ty dược phẩm ở Vương quốc Anh	19
4. Danh sách những mặt hàng dược phẩm Việt Nam nhập của vương quốc Anh trong tháng 9/2023	21
PHẦN II. CẬP NHẬT CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH DƯỢC PHẨM TẠI VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC AI LEN	26
1. Một số quy định đặc biệt về việc xuất khẩu thuốc và dược phẩm ở Vương quốc Anh	26
2. Những loại thuốc không được xuất khẩu hoặc tích trữ	29

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Chứng loại dược phẩm của Vương quốc Anh nhập khẩu trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023.....	7
Bảng 2: Top 25 thị trường Vương quốc Anh nhập khẩu dược phẩm trong tháng 8/2023.....	13
Bảng 3: Chứng loại dược phẩm của Vương quốc Anh xuất khẩu trong tháng 8 và 8 tháng năm 2023.....	15
Bảng 4: Top 30 thị trường xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh trong tháng 8/2023.....	18
Bảng 5: Danh sách một số doanh nghiệp chuyên xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh.....	19
Bảng 6: Danh sách một số doanh nghiệp chuyên nhập khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh.....	20
Bảng 7: Danh sách những mặt hàng dược phẩm Việt Nam nhập của Vương quốc Anh trong tháng 9/2023.....	21
Bảng 8: Những loại thuốc không được xuất khẩu từ Vương quốc Anh hoặc tích trữ.....	29

TÓM TẮT

Phần 1. Tình hình giao thương đối với ngành dược phẩm trong UKVFTA:

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2023, kim ngạch nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam đạt 323,74 triệu USD, tăng 9,78% so với tháng trước và tăng mạnh 23,76% so với cùng thời điểm năm 2022. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu dược phẩm đạt 2,51 tỷ USD, tăng 3,59% so với cùng kỳ năm trước. Về tỷ trọng nhập khẩu dược phẩm trong tổng kim ngạch nhập khẩu chung của Việt Nam, nhập khẩu dược phẩm lần lượt chiếm 1,14% trong tháng 9/2023 và chiếm 1,06% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Theo số liệu của Hải quan Vương quốc Anh, nhập khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh trong tháng 8/2023 đạt 15,57 nghìn tấn với trị giá 1,35 tỷ bảng Anh, giảm 33,29% về lượng và giảm 11,03% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, nhập khẩu dược phẩm giảm 13,77% về lượng và giảm 32,05% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu đạt 140,25 nghìn tấn với trị giá 12,48 tỷ bảng Anh, giảm 10,63% về lượng và giảm 20,52% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh trong tháng 8/2023 đạt 14,57 nghìn tấn với trị giá 1,53 tỷ bảng Anh, giảm 2,38% về lượng và giảm 6,76% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh giảm 3,39% về lượng và giảm 23,34% về trị giá. Tính chung 8 tháng năm 2023, lượng xuất khẩu đạt 111,06 nghìn tấn với trị giá 13,34 tỷ bảng Anh, giảm 11,62% về lượng và giảm 1,02% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Phần 2. Cập nhật các quy định, chính sách

Một số quy định đặc biệt về việc xuất khẩu thuốc và dược phẩm ở Vương quốc Anh.

Những loại thuốc không được xuất khẩu hoặc tích trữ.

PHẦN I. TÌNH HÌNH GIAO THƯƠNG ĐỐI VỚI NGÀNH DƯỢC PHẨM TRONG HIỆP ĐỊNH UKVFTA

1. Phân tích hoạt động nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam từ các thị trường trong UKVFTA

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 9/2023, kim ngạch nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam đạt 323,74 triệu USD, tăng 9,78% so với tháng trước và tăng mạnh 23,76% so với cùng thời điểm năm 2022. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu dược phẩm đạt 2,51 tỷ USD, tăng 3,59% so với cùng kỳ năm trước. Về tỷ trọng nhập khẩu dược phẩm trong tổng kim ngạch nhập khẩu chung của Việt Nam, nhập khẩu dược phẩm lần lượt chiếm 1,14% trong tháng 8/2023 và chiếm 1,06% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Kim ngạch nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam từ Vương quốc Anh tiếp tục giảm mạnh trong tháng 9/2023. Tháng 9/2023, kim ngạch nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam từ Vương quốc Anh đạt 2,38 triệu USD, giảm 38,59% so với tháng trước và giảm 60,96% so với cùng thời điểm năm 2022. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường này đạt 56,37 triệu USD, giảm 7,75% so với cùng kỳ năm trước. Về tỷ trọng nhập khẩu dược phẩm từ Vương quốc Anh trong tổng kim ngạch nhập khẩu dược phẩm của Việt Nam lần lượt chiếm 0,73% trong tháng 9/2023 và chiếm 2,24% trong 9 tháng đầu năm 2023.

Có 3 nhóm hàng mã HS 4 chữ số được nhập khẩu từ Vương quốc Anh vào Việt Nam trong tháng 9/2023, lần lượt là HS 3002 (Máu người; máu động vật đã được điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh và các phân phân đoạn máu khác), HS 3003 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hay nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh) và HS 3004 (Thuốc bao gồm các sản phẩm hỗn hợp hoặc không pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, được đóng gói theo liều lượng xác định).

2. Phân tích tình hình thương mại và thị trường dược phẩm của Vương quốc Anh

2.1. Tình hình nhập khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh

2.1.1. Tổng nhập khẩu dược phẩm:

Theo Hải quan Vương quốc Anh, nhập khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh trong tháng 8/2023 đạt 15,57 nghìn tấn với trị giá 1,35 tỷ bảng Anh, giảm 33,29% về lượng và giảm 11,03% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, nhập khẩu dược phẩm giảm 13,77% về lượng và giảm 32,05% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu đạt 140,25 nghìn tấn với trị giá 12,48 tỷ bảng Anh, giảm 10,63% về lượng và giảm 20,52% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Chủng loại dược phẩm nhập khẩu chính trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023 là HS 3004 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06); tiếp đến là nhóm HS 3002 (máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các sản phẩm khác của máu và các chế); nhóm HS 3003 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hay nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc) và cuối cùng là nhóm HS 3001 (Các tuyến khô và các bộ phận nội tạng khác dùng để chữa bệnh, đã hoặc chưa làm thành bột; các chất chiết xuất từ các tuyến hoặc các cơ quan khác).

Tháng 8/2023, nhóm HS 3004 chiếm 68,05% trị giá nhập khẩu dược phẩm (đạt 924 triệu bảng Anh). Nhóm nhập khẩu chính là HS 300490 (Thuốc bao gồm các sản phẩm hỗn hợp hoặc không pha trộn dùng cho mục đích phòng bệnh hoặc chữa bệnh, được đóng gói theo liều lượng định sẵn) chiếm 79,35% trị giá nhập khẩu của nhóm HS 3004 (đạt 733,2 triệu bảng Anh); HS 300439 (Thuốc chứa nội tiết tố hoặc steroid được sử dụng như nội tiết tố nhưng không phải là kháng sinh, đã được đóng gói theo liều lượng định sẵn) chiếm 9,6% trị giá nhập khẩu của nhóm HS 3004 (đạt 88,7 triệu bảng Anh); HS 300432 (Thuốc chứa nội tiết tố corticosteroid, các chất dẫn xuất hoặc chất tương tự cấu trúc của chúng nhưng không phải là kháng sinh, được đóng gói theo,...) chiếm 3,57% trị giá nhập khẩu của nhóm HS 3004 (đạt 33 triệu bảng Anh).

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, nhóm HS 3004 chiếm 70,01% trị giá nhập khẩu dược phẩm (đạt 8,73 tỷ bảng Anh). Nhóm nhập khẩu chính vẫn là 3 nhóm trên, nhóm HS 300490 chiếm 81,17% trị giá nhập khẩu của nhóm HS 3004 (đạt 7,09 tỷ bảng Anh); HS 300439 chiếm 8,52% trị giá nhập khẩu (đạt 745,3 triệu bảng Anh) và HS 300432 chiếm 3,9% trị giá nhập khẩu (đạt 340,9 triệu bảng Anh).

Bảng 1: Chứng loại dược phẩm của Vương quốc Anh nhập khẩu trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Mã HS	Mô tả HS	Trị giá tháng 8/2023			8 tháng năm 2023	
		Trị giá (triệu bảng Anh)	Trị giá so với tháng 7/2023 (%)	Trị giá so với tháng 8/2022 (%)	Trị giá (triệu bảng Anh)	Trị giá so với 8 tháng 2022 (%)
0	* DƯỢC PHẨM	1,357.7	-11.03	-32.05	12,481.5	-20.52
3001	<i>Các tuyến và các bộ phận cơ thể khác dùng để chữa bệnh, ở dạng khô, đã hoặc chưa làm thành dạng bột; chiết xuất từ các tuyến hoặc các bộ phận...</i>	3.5	5.93	20.64	34.7	32.06
3002	<i>Máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các sản phẩm khác của máu và các chế..</i>	420.7	5.52	-8.78	3,536.9	-3.92
300212	Kháng huyết thanh và các phần máu khác	43.0	-13.47	-4.89	388.8	-1.18
300213	Các sản phẩm miễn dịch, chưa pha trộn, chưa đóng gói theo liều lượng hoặc ở dạng đóng gói để bán lẻ (không bao gồm thuốc thử chẩn đoán)	2.2	-15.16	-87.38	12.9	-59.86

Mã HS	Mô tả HS	Trị giá tháng 8/2023			8 tháng năm 2023	
		Trị giá (triệu bảng Anh)	Trị giá so với tháng 7/2023 (%)	Trị giá so với tháng 8/2022 (%)	Trị giá (triệu bảng Anh)	Trị giá so với 8 tháng 2022 (%)
300214	Các sản phẩm miễn dịch, đã pha trộn, chưa đóng gói theo liều lượng hoặc ở dạng đóng gói để bán lẻ (trừ thuốc thử chẩn đoán)	38.1	-13.35	66.55	462.6	105.71
300215	Các sản phẩm miễn dịch, đã được đóng gói theo liều lượng hoặc ở dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ (trừ thuốc thử chẩn đoán)	320.9	16.08	-7.42	2,431.2	-10.22
300290	Máu người; máu động vật đã được điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh	16.5	-36.56	-43.03	241.4	-25.23
3003	<i>Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hay nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc</i>	9.5	43.33	-95.75	171.4	-79.84
300339	Thuốc chứa nội tiết tố hoặc steroid dùng như nội tiết tố, không chứa kháng sinh, chưa định liều hoặc chưa đóng gói để bán lẻ (trừ thuốc chứa insulin)	0.2	161.12	59.59	1.8	1.47
300390	Thuốc gồm hai thành phần trở lên trộn với nhau dùng để chữa bệnh hoặc phòng bệnh, chưa được định liều hoặc	7.6	46.46	-96.61	157.8	-80.60

Mã HS	Mô tả HS	Trị giá tháng 8/2023			8 tháng năm 2023	
		Trị giá (triệu bảng Anh)	Trị giá so với tháng 7/2023 (%)	Trị giá so với tháng 8/2022 (%)	Trị giá (triệu bảng Anh)	Trị giá so với 8 tháng 2022 (%)
	chưa đóng gói để bán lẻ (trừ kháng sinh,...					
3004	<i>Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được...</i>	924.0	-17.31	-29.43	8,738.5	-21.60
300410	- Chứa penicillin hoặc các dẫn xuất của chúng, có cấu trúc axit penicillanic, hoặc các streptomycin hoặc các dẫn xuất của chúng:	5.5	23.14	34.78	48.1	44.93
300420	Thuốc có chứa kháng sinh, được đóng gói theo liều định lượng "kê cả thuốc dùng để thẩm thấu qua da" hoặc ở dạng đóng gói để bán lẻ (không bao gồm,...	19.0	10.43	-17.04	168.4	8.00
300431	Thuốc có chứa insulin nhưng không chứa kháng sinh, đã được đóng gói theo liều lượng "kê cả liều dùng qua da" hoặc ở dạng nhất định hoặc đóng gói,...	10.1	7.85	-10.09	91.7	1.23
300432	Chứa hormon tuyến thượng thận, các dẫn xuất của chúng hoặc cấu trúc tương tự:	33.0	-36.62	-29.39	340.9	-16.04
300439	Thuốc chứa nội tiết tố hoặc steroid được sử dụng như nội tiết tố	88.7	-16.02	11.18	745.3	9.11

Mã HS	Mô tả HS	Trị giá tháng 8/2023			8 tháng năm 2023	
		Trị giá (triệu bảng Anh)	Trị giá so với tháng 7/2023 (%)	Trị giá so với tháng 8/2022 (%)	Trị giá (triệu bảng Anh)	Trị giá so với 8 tháng 2022 (%)
	nhưng không phải là kháng sinh, đã được đóng gói theo liều lượng định sẵn "kê cả,...					
300449	Thuốc chứa alkaloid hoặc các dẫn xuất của chúng, không chứa hormone, steroid dùng như hormone hoặc kháng sinh, đã được đóng gói theo liều lượng định,...	23.5	42.16	25.44	132.5	-4.17
300450	Các thuốc có chứa vitamin hoặc các sản phẩm khác thuộc nhóm 29.36:	6.8	17.77	-7.57	51.4	19.39
300460	Các loại thuốc có chứa bất kỳ hoạt chất chống sốt rét nào sau đây: artemisinin "INN" để uống kết hợp với các hoạt chất dược phẩm khác, hoặc amodiaquine,...	3.8	7.70	-36.59	63.2	-11.39
300490	Thuốc bao gồm các sản phẩm hỗn hợp hoặc không pha trộn dùng cho mục đích phòng bệnh hoặc chữa bệnh, được đóng gói theo liều lượng định sẵn	733.2	-18.78	-34.07	7,093.6	-25.50

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

2.1.2. Nguồn cung ứng dược phẩm nhập khẩu vào Vương quốc Anh

Tháng 8/2023, Vương quốc Anh nhập khẩu dược phẩm từ hơn 80 thị trường. Những thị trường có giá trị nhập khẩu đạt trên 100 triệu bảng Anh gồm:

Hoa Kỳ, Bỉ, Hà Lan, Thụy Sĩ và Đức; tổng giá trị nhập khẩu từ các thị trường này chiếm 59,94% tổng giá trị nhập khẩu dược phẩm trong tháng 8/2023. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ vẫn là thị trường cung cấp dược phẩm lớn nhất; các thị trường cung cấp chính lần theo giá trị từ giảm dần lần lượt là: Đức, Hà Lan, Bỉ, Thụy Sĩ, Ireland, Pháp, Italy... Chi tiết sang một số thị trường chính:

Hoa Kỳ là nguồn cung ứng lớn nhất dược phẩm trong tháng 8/2023 cho Vương quốc Anh. Lượng nhập khẩu tháng 8/2023 đạt 381,04 nghìn kg với trị giá 181,72 triệu bảng Anh, tăng 1,3% về lượng và giảm 21,3% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, nhập khẩu từ nước này tăng 36,8% về lượng và tăng 97,5% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu từ thị trường này đạt 2,83 triệu kg với trị giá 1,99 tỷ bảng Anh, tăng 35,1% về lượng nhưng giảm 16,4% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Những chủng loại dược phẩm nhập khẩu chính từ thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2023 là HS 3002 (Máu người; máu động vật đã được điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh và các phân phân đoạn máu khác và,...) chiếm 39,9% (đạt 72,46 triệu bảng Anh); HS 3004 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được...) chiếm 58,9% trị giá nhập khẩu (đạt 107,01 triệu bảng Anh).

Từ thị trường chính thứ 2 là **Bỉ**, lượng nhập khẩu từ thị trường này trong tháng 8/2023 đạt 1,25 triệu kg với trị giá 171,67 triệu bảng Anh, giảm 78,6% về lượng và giảm 14,3% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, nhập khẩu từ nước này tăng 13,5% về lượng và tăng 64,2% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu từ thị trường này đạt 13,12 triệu kg với trị giá 1,42 tỷ bảng Anh, tăng 32,5% về lượng và tăng 8,4% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Những chủng loại dược phẩm nhập khẩu chính từ thị trường Bỉ trong tháng 8/2023 là HS 3004 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được...) chiếm 71,5% trị giá nhập khẩu (đạt 122,69 triệu bảng Anh); HS 3002 (Máu người; máu động vật đã được điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh và các

phần phân đoạn máu khác và,...) chiếm 28,4% trị giá nhập khẩu (đạt 48,79 triệu bảng Anh).

Nguồn nhập khẩu chính lớn thứ ba trong tháng 8/2023 là **Hà Lan**, lượng nhập khẩu tháng 8/2023 đạt 1,31 triệu kg với trị giá 169,01 triệu bảng Anh, tăng 37,3% về lượng và tăng 13,9% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, nhập khẩu từ thị trường này giảm 3,6% về lượng và giảm 59,6% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu từ thị trường này đạt 9,55 triệu kg với trị giá 1,52 tỷ bảng Anh, giảm 5,8% về lượng và giảm 37,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Những chủng loại dược phẩm nhập khẩu chính từ thị trường Hà Lan trong tháng 8/2023 là HS 3004 (Thuốc bao gồm các sản phẩm hỗn hợp hoặc không pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, được đóng gói theo liều lượng xác định "bao gồm cả liều,...) chiếm 59,3% trị giá nhập khẩu (đạt 100,23 triệu bảng Anh); HS 3002 (Máu người; máu động vật đã được điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh và các phần phân đoạn máu khác và,...) chiếm 40,3% trị giá nhập khẩu (đạt 68,13 triệu bảng Anh).

Nguồn nhập khẩu chính thứ 4 trong tháng 8/2023 là **Thụy Sĩ**, lượng nhập khẩu tháng 8/2023 đạt 533,11 nghìn kg với trị giá 146,09 triệu bảng Anh, tăng 24% về lượng và tăng 30,5% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, nhập khẩu từ nước này tăng mạnh 147,1% về lượng và tăng 10,3% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu từ thị trường này đạt 2,84 triệu kg với trị giá 951,77 triệu bảng Anh, giảm 1,4% về lượng và giảm 11,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Những chủng loại dược phẩm nhập khẩu chính từ thị trường Thụy Sĩ trong tháng 8/2023 là HS 3004 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được...) chiếm 31,5% trị giá nhập khẩu (đạt 46 triệu bảng Anh); HS 3002 (Máu người; máu động vật đã được điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh và các phần phân đoạn máu khác và,...) chiếm 68,3% trị giá nhập khẩu (đạt 99,8 triệu bảng Anh).

Xét về tốc độ tăng trưởng: Trị giá nhập khẩu dược phẩm tháng 8/2023 tăng mạnh từ thị trường Thụy Sĩ với 30,5% so với tháng trước, cùng 3 thị trường nhập khẩu chính tăng là Hà Lan, Pháp và Ấn Độ. Trong 10 thị trường nhập khẩu chính, có 6 thị trường có giá trị giảm so với tháng 7/2023 là Hoa Kỳ,

Bỉ, Đức, Ireland, Pháp, Ý và Đan Mạch. Tính chung 8 tháng năm 2023, có 4 thị trường có giá trị tăng là Bỉ (tăng 8,4%), Pháp (tăng 1,3%), Đan Mạch (tăng 21,8%) và Ấn Độ (tăng 11,3%). Những thị trường có trị giá nhập khẩu tăng nhiều trong tháng 8/2023 là San Marino, Pakistan, Hồng Kông (Trung Quốc) và Thái Lan; ngược lại những thị trường giá trị giảm nhiều là Malaysia, Guyana, Việt Nam và Uganda...; nhưng giá trị nhập khẩu từ những thị trường này không nhiều.

Bảng 2: Top 25 thị trường Vương quốc Anh nhập khẩu dược phẩm trong tháng 8/2023

Thị trường	Tháng 8/2023			8T/2023	
	Trị giá (nghìn bảng Anh)	So tháng 7/2023 (%)	So tháng 8/2022 (%)	Trị giá (nghìn bảng Anh)	So 8T/2022 (%)
Hoa Kỳ	181.726	-21,3	97,5	1.999.825	-16,4
Bỉ	171.672	-14,3	64,2	1.426.041	8,4
Hà Lan	169.014	13,9	-59,6	1.526.534	-37,6
Thụy Sĩ	146.094	30,5	10,3	951.772	-11,6
Đức	145.372	-12,7	-61,9	1.629.622	-33,6
Ireland	96.779	-0,7	-13,1	778.251	-18,6
Pháp	86.289	10,3	-0,8	710.404	1,3
Italy	59.870	-21,9	-67,4	664.312	-49,5
Đan Mạch	51.523	-31,1	7,9	505.726	21,8
Ấn Độ	45.248	13,5	15,0	337.404	11,3
Tây Ban Nha	37.298	-50,8	52,0	337.403	17,4
Hungary	18.095	17,2	44,4	142.759	79,8
Hy Lạp	15.560	-33,2	83,2	139.502	62,1
Slovenia	15.321	50,2	555,8	52.405	100,2
Áo	15.066	42,2	-11,8	107.593	-14,8
Thụy Điển	14.581	-78,7	-32,8	227.623	60,2
Séc	11.725	4,7	92,1	73.005	38,8
Ba Lan	11.647	9,3	-49,9	146.909	26,7
Nhật Bản	10.699	114,7	197,8	119.666	57,5
Trung Quốc	8.883	-9,0	-12,5	77.578	-34,4
Malta	5.612	150,3	138,9	67.175	16,5
Bulgaria	5.377	69,6	270,8	22.751	117,6
Canada	5.318	-3,3	-49,5	40.808	8,3
Bồ Đào Nha	4.373	-15,8	-12,0	36.200	3,9
Singapore	3.625	-76,3	23,6	51.998	-41,5

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

2.2. Tình hình xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh

2.2.1. Tổng xuất khẩu dược phẩm:

Theo số liệu của Hải quan Vương quốc Anh, xuất khẩu dược phẩm của nước này trong tháng 8/2023 đạt 14,57 nghìn tấn với trị giá 1,53 tỷ bảng Anh, giảm 2,38% về lượng và giảm 6,76% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh giảm 3,39% về lượng và giảm 23,34% về trị giá. Tính chung 8 tháng năm 2023, lượng xuất khẩu đạt 111,06 nghìn tấn với trị giá 13,34 tỷ bảng Anh, giảm 11,62% về lượng và giảm 1,02% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Chủng loại dược phẩm xuất khẩu chính trong tháng 8 và 8 tháng năm 2023 là HS 3004 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06); tiếp đến là nhóm HS 3002 (máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các sản phẩm khác của máu và các chế); HS 3003 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hay nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc) và cuối cùng là nhóm HS 3001 (Các tuyến khô và các bộ phận nội tạng khác dùng để chữa bệnh, đã hoặc chưa làm thành bột; các chất chiết xuất từ các tuyến hoặc các cơ quan khác,...).

Tháng 8/2023, nhóm HS 3004 chiếm 77,49% trị giá xuất khẩu dược phẩm (đạt 1,18 tỷ bảng Anh). Nhóm xuất khẩu chính là HS 300490 (loại khác) chiếm 82,47% trị giá xuất khẩu của nhóm HS 3004 (đạt 979,6 triệu bảng Anh); HS 300439 (loại khác) chiếm 5,36% trị giá xuất khẩu (đạt 63,8 triệu bảng Anh); HS 300432 (chứa hormon tuyến thượng thận, các dẫn xuất của chúng hoặc cấu trúc tương tự) chiếm 5,7% trị giá xuất khẩu (đạt 67,8 triệu bảng Anh).

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, nhóm HS 3004 chiếm 75,38% trị giá xuất khẩu dược phẩm (đạt 10,05 tỷ bảng Anh). Nhóm xuất khẩu chính vẫn là 3 nhóm trên, nhóm HS 300490 chiếm 82,86% trị giá xuất khẩu của nhóm HS 3004 (đạt 8,33 tỷ bảng Anh); HS 300439 chiếm 5,45% trị giá xuất khẩu (đạt 548,3 triệu bảng Anh); HS 300432 chiếm 5,5% trị giá xuất khẩu (đạt 555,6 triệu bảng Anh).

Hàng dược phẩm của Vương quốc Anh xuất khẩu sang Việt Nam chỉ chiếm 0,32% về giá trị trong tháng 8/2023 và chiếm 0,32% về giá trị trong 8 tháng đầu năm 2023. Chúng loại xuất khẩu chính sang Việt Nam là HS 30.04 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được...; HS 30.03 (Thuốc bao gồm hai hoặc nhiều thành phần được trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, không được đo liều lượng hoặc đóng gói để bán lẻ); HS 30.02 (Máu người; máu động vật đã được điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh và các phần phân đoạn máu khác và,...) và cuối cùng là HS 30.01 (Các tuyến khô và các bộ phận nội tạng khác dùng để chữa bệnh, đã hoặc chưa làm thành bột; các chất chiết xuất từ các tuyến hoặc các cơ quan khác,...).

Bảng 3: Chúng loại dược phẩm của Vương quốc Anh xuất khẩu trong tháng 8 và 8 tháng năm 2023

Mã HS	Mô tả HS	Tháng 8/2023			8 tháng 2023	
		Trị giá (triệu bảng Anh)	Số tháng 7/2023 (%)	Số tháng 8/2022 (%)	Trị giá (triệu bảng Anh)	Số tháng 2022 (%)
0	* DƯỢC PHẨM	1.532,5	-6,76	-23,34	13.340,3	-1,02
3001	Các tuyến khô và các bộ phận nội tạng khác dùng để chữa bệnh, đã hoặc chưa làm thành bột; các chất chiết xuất từ các tuyến hoặc các cơ quan khác,...	2,5	45,95	100,23	15,8	-2,91
3002	Máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các sản phẩm khác của máu và các chế..	327,4	-4,18	7,27	3,136,4	23,38
3003	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hay nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc	14,9	19,26	-14,75	131,3	49,27
3004	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc	1,187,7	-7,76	-29,10	10,056,7	-7,15

Mã HS	Mô tả HS	Tháng 8/2023			8 tháng 2023	
		Trị giá (triệu bảng Anh)	So tháng 7/2023 (%)	So tháng 8/2022 (%)	Trị giá (triệu bảng Anh)	So 8 tháng 2022 (%)
	nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được...					

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

2.2.2. Thị trường xuất khẩu dược phẩm:

Tháng 8/2023, dược phẩm của Vương quốc Anh được xuất khẩu tới hơn 180 thị trường, trong đó có 7 thị trường có giá trị xuất khẩu đạt trên 50 triệu bảng Anh là: Hoa Kỳ, Bỉ, Ireland, Pháp, Trung Quốc, Đức, Hà Lan và Thụy Sĩ. Tính chung 8 tháng năm 2023, những thị trường có giá trị xuất khẩu đạt trên 200 triệu bảng Anh gồm: Hoa Kỳ, Bỉ, Ireland, Đức, Pháp, Trung Quốc, Hà Lan, Thụy Sĩ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga và Australia; tổng giá trị xuất khẩu sang các thị trường này chiếm 80,47% tổng giá trị xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh. Chi tiết sang một số thị trường chính:

Xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh sang thị trường lớn nhất trong tháng 8/2023 là **Hoa Kỳ**, lượng xuất khẩu tháng 8/2023 đạt 650,39 nghìn kg với trị giá 411,04 triệu bảng Anh, giảm 1% về lượng và giảm 21,9% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, xuất khẩu sang thị trường này tăng 4,4 về lượng và tăng 2,7% về trị giá. Tính chung 8 tháng năm 2023, lượng xuất khẩu sang thị trường này đạt 5,55 triệu kg với trị giá 3,71 tỷ bảng Anh, giảm 22,9% về lượng và tăng 37,4% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Những chủng loại dược phẩm xuất khẩu chính sang thị trường Hoa Kỳ tháng 8/2023 là HS 3004 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được...) chiếm 63,2% trị giá xuất khẩu (đạt 259,94 triệu bảng Anh); HS 3002 (máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các sản phẩm khác của máu và các chế..) chiếm 36% trị giá xuất khẩu (đạt 147,92 triệu bảng Anh).

Thị trường lớn thứ hai trong tháng 8/2023 là **Bỉ**, lượng xuất khẩu tháng 8/2023 đạt 2,39 triệu kg với trị giá 190,45 triệu bảng Anh, giảm 0,2% về lượng và tăng nhẹ 0,1% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, xuất khẩu sang thị trường này tăng 10,5% về lượng và giảm 39,4% về trị giá. Tính chung 8 tháng năm 2023, lượng xuất khẩu sang thị trường này đạt 21,11 triệu kg với trị giá 1,57 tỷ bảng Anh, giảm 2,8% về lượng và giảm 18,9% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Những chủng loại dược phẩm xuất khẩu chính sang thị trường Bỉ tháng 8/2023 là HS 3004 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được...) chiếm 93,7% trị giá xuất khẩu (đạt 178,35 triệu bảng Anh); HS 3002 (máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các sản phẩm khác của máu và các chế..) chiếm 6,4% trị giá xuất khẩu (đạt 12,09 triệu bảng).

Thị trường lớn thứ ba trong tháng 8/2023 là **Ireland**, lượng xuất khẩu tháng 8/2023 đạt 1,08 triệu kg với trị giá 171,75 triệu bảng Anh, giảm 5% về lượng nhưng tăng mạnh 73,9% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, xuất khẩu sang thị trường này tăng 26,1% về lượng nhưng giảm 29,2% về trị giá. Tính chung 8 tháng năm 2023, lượng xuất khẩu sang thị trường này đạt 8,3 triệu kg với trị giá 832,7 triệu bảng Anh, giảm 7,3% về lượng nhưng tăng 3,4% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Những chủng loại dược phẩm xuất khẩu chính sang thị trường Ireland tháng 8/2023 là HS 3004 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được...) chiếm 96,2% trị giá xuất khẩu (đạt 165,18 triệu bảng Anh); HS 3002 (máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các sản phẩm khác của máu và các chế..) chiếm 6,3% trị giá xuất khẩu (đạt 5,74 triệu bảng Anh).

Thị trường lớn thứ tư trong tháng 8/2023 là **Pháp**, lượng xuất khẩu tháng 8/2023 đạt 1,26 triệu kg với trị giá 102,05 triệu bảng Anh, giảm 4% về lượng và tăng 6,6% về trị giá so với tháng trước. So với tháng 8/2022, xuất khẩu sang thị trường này giảm 21,8% về lượng nhưng tăng 22,7% về trị giá. Tính chung 8 tháng năm 2023, lượng xuất khẩu sang thị trường này đạt 7,24 triệu kg với trị

giá 832,7 triệu bảng Anh, giảm 49% về lượng nhưng tăng 11% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Những chủng loại dược phẩm xuất khẩu chính sang thị trường Pháp tháng 8/2023 là HS 3004 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được...) chiếm 48,9% trị giá xuất khẩu (đạt 49,92 triệu bảng Anh); HS 3002 (máu người; máu động vật đã điều chế dùng cho chữa bệnh, phòng bệnh hoặc chẩn đoán bệnh; kháng huyết thanh, các sản phẩm khác của máu và các chế...) chiếm 50,3% trị giá xuất khẩu (đạt 21,74 triệu bảng Anh); HS 3003 (thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm từ hai hay nhiều thành phần trở lên đã pha trộn với nhau dùng cho phòng bệnh hoặc) chiếm 0,8% trị giá xuất khẩu (đạt 783,08 nghìn bảng Anh).

Việt Nam là thị trường xuất khẩu dược phẩm đứng thứ 30 trong tháng 8/2023 và cũng là thị trường xuất khẩu chính thứ 30 trong 8 tháng năm 2023 của Vương quốc Anh.

Xét về tốc độ tăng trưởng: Trị giá xuất khẩu dược phẩm tháng 8/2023 tăng mạnh từ thị trường Ireland với 73,9% so với tháng trước, cùng 3 thị trường xuất khẩu chính tăng là Bỉ, Pháp và Australia. Trong 10 thị trường xuất khẩu chính, từ thị trường Nhật Bản có giá trị giảm mạnh so với tháng 7/2023. Các thị trường khác cũng có giá trị giảm là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Đức, Hà Lan và Thụy Sĩ. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, các thị trường xuất khẩu chính có giá trị tăng là Hoa Kỳ tăng 37,4%, Ireland tăng 3,4%, Pháp tăng 11%, Thụy Sĩ tăng 11,7% và Hàn Quốc tăng 227,9%. Những thị trường có trị giá xuất khẩu tăng nhiều trong tháng 8/2023 là Tunisia, Fiji, Ecuador, Ma Cao (Trung Quốc), Malawi, Papua New Guinea, Namibia... nhưng giá trị xuất khẩu không lớn; ngược lại những thị trường giá trị giảm nhiều là Liberia, Moldova, Nam Sudan, Bolivia, Anguilla...

Bảng 4: Top 30 thị trường xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh trong tháng 8/2023

Thị trường	Tháng 8/2023			8T/2022	
	Trị giá (triệu bảng Anh)	So tháng 7/2023 (%)	So tháng 8/2022 (%)	Trị giá (triệu bảng Anh)	So 8T/2022 (%)
Hoa Kỳ	411,05	-21,9	2,7	3.716,21	37,4
Bỉ	190,46	0,1	-39,4	1.578,80	-18,9
Ireland	171,76	73,9	-29,2	955,38	3,4

Thị trường	Tháng 8/2023			8T/2022	
	Trị giá (triệu bảng Anh)	So tháng 7/2023 (%)	So tháng 8/2022 (%)	Trị giá (triệu bảng Anh)	So 8T/2022 (%)
Pháp	102,06	6,6	22,7	832,70	11,0
Trung Quốc	76,85	-1,1	-16,9	640,45	-17,7
Đức	72,38	-18,9	-77,9	844,45	-54,0
Hà Lan	66,71	-17,3	-11,8	570,15	-12,4
Thụy Sĩ	43,90	-4,4	-7,1	436,29	11,7
Nhật Bản	29,34	-65,8	-25,8	338,18	-24,0
Australia	28,24	18,4	28,3	208,26	-9,3
Canada	26,82	40,7	-33,0	195,39	-1,4
Các tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất	26,42	66,7	44,9	158,02	31,3
Ả Rập Xê Út	22,70	8,8	26,7	190,94	-2,9
Nga	21,42	17,4	2,4	289,11	50,2
Brazil	15,15	-55,0	-4,9	163,37	44,0
Thổ Nhĩ Kỳ	14,73	-3,9	-18,5	150,14	9,3
Mexico	14,08	42,4	48,7	147,19	44,9
Singapore	12,82	3,5	-8,7	89,79	-2,9
Tây Ban Nha	12,67	39,6	4,3	108,76	-32,1
Đài Loan	12,57	94,6	3,3	80,30	15,9
Hàn Quốc	11,99	2,9	-21,9	324,96	227,9
Israel	9,27	26,5	-32,6	92,01	18,8
Indonesia	8,93	2,1	102,2	42,75	0,8
Ai Cập	8,88	5,6	23,4	89,69	12,7
Iraq	8,52	36,3	181,9	60,25	-7,3
Italy	7,85	-31,0	-8,2	124,89	9,3
Đan Mạch	5,81	10,7	-13,1	46,77	-5,8
Áo	5,81	8,2	-38,1	58,84	-16,1
Slovenia	5,37	206,6	214,3	20,21	315,0
Việt Nam	4,89	-33,3	-53,9	43,88	-1,9

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

3. Danh sách các công ty dược phẩm ở Vương quốc Anh

Bảng 5: Danh sách một số doanh nghiệp chuyên xuất khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
MYONEX LIMITED	1 MEER END, BIRSTALL, LEICESTER,	LE4 3EH
THE FRANCIS CRICK INSTITUTE LIMITED	1 MIDLAND ROAD, LONDON,	NW1 1AT
VECTURA GROUP PLC	1 PROSPECT WEST, CHIPPENHAM, WILTSHIRE,	SN14 6FH
THE MENTHOLATUM	1 REDWOOD AVENUE, PEEL PARK	G74 5PE

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
COMPANY LIMITED	CAMPUS, EAST KILBRIDE,	
FERRING CONTROLLED THERAPEUTICS LIMITED	1 REDWOOD PLACE, PEEL PARK CAMPUS, EAST KILBRIDE, GLASGOW,	G74 5PB
THERMO ELECTRON LIMITED	1 ST. GEORGES COURT, BROADHEATH, ALTRINCHAM,	WA14 5TP
KAYS MEDICAL LIMITED	1 WINDWARD DRIVE, ESTUARY BUSINESS PARK, SPEKE, LIVERPOOL,	L24 8QR
RAYNER SURGICAL GROUP LIMITED	10 DOMINION WAY, WORTHING,	BN14 8AQ
RAYNER INTRAOCULAR LENSES LIMITED	10 DOMINION WAY, WORTHING,	BN14 8AQ
MIDWINTER SOLUTIONS LTD	10 GRANARY WHARF BUSINESS, PARK, WETMORE ROAD, BURTON ON TRENT, STAFFORDSHIRE,	DE14 1DU
MARKEN LTD	107A POWER ROAD, CHISWICK, LONDON,	W4 5PY
GBNONEU	10TH FLOOR WEST, ALEXANDER HOUSE, SOUTHEND ON SEA, ESSEX,	SS99 1AA
SHIRAZ & SONS LTD	11 COLESHILL STREET, FAZELEY, TAMWORTH, STAFFORDSHIRE,	B78 3RB
HEALTHPOINT LIMITED	11 DARWIN COURT, BLACKPOOL TECHNOLOGY PARK, BLACKPOOL,	FY2 0JN
DUGV (UK) LTD	111 NEW UNION STREET, COVENTRY, WEST MIDLANDS,	CV1 2NT
ZENTIVA PHARMA UK LIMITED	12 NEW FETTER LANE, LONDON,	EC4A 1JP
FIBROFIND LTD	12 REGENT TERRACE, GATESHEAD,	NE8 1LU
MERCK SHARP & DOHME (UK) LIMITED	120 MOORGATE, LONDON,	EC2M 6UR
MDS DIAGNOSTICS LTD	1238 HIGH ROAD, WHETSTONE, LONDON,	N20 0LH
CUXSON GERRARD & CO LTD	125 BROADWELL ROAD, OLDBURY, WARLEY, WEST MIDLANDS,	B69 4BF

(Nguồn: www.uktradeinfo.com)

Bảng 6: Danh sách một số doanh nghiệp chuyên nhập khẩu dược phẩm của Vương quốc Anh

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
ZAGENO LTD.	1 ASHLEY ROAD, ALTRINCHAM, GREATER MANCHESTER,	WA14 2DT
CO.DON UK GROUP LIMITED	1 BARTHOLOMEW LANE, LONDON,	EC2N 2AX
STIRLING ANGLIAN PHARMACEUTICALS	1 AINSLIE ROAD, HILLINGTON PARK, GLASGOW,	G52 4RU

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Mã bưu chính
LIMITED		
LEONARDO UK LTD	1 EAGLE PLACE, LONDON,	SW1Y 6AF
DIMENSIONS (SCOTLAND) LIMITED	1 GLENBURN ROAD, EAST KILBRIDE, GLASGOW,	G74 5BA
BIOCARE LIMITED	1 HEDERA ROAD, REDDITCH,	B98 9EY
VECTURA GROUP PLC	1 PROSPECT WEST, CHIPPENHAM, WILTSHIRE,	SN14 6FH
DIAGENICS LIMITED	1 SOUTH HOUSE, BOND AVENUE, BLETCHLEY, MILTON KEYNES,	MK1 1SW
THERMO ELECTRON LIMITED	1 ST. GEORGES COURT, BROADHEATH, ALTRINCHAM,	WA14 5TP
FIRST LINK (UK) LIMITED	1 VALEPITS ROAD, GARRETTS GREEN, BIRMINGHAM,	B33 0TD
RAYNER SURGICAL GROUP LIMITED	10 DOMINION WAY, WORTHING,	BN14 8AQ
RAYNER INTRAOCULAR LENSES LIMITED	10 DOMINION WAY, WORTHING,	BN14 8AQ
MIDWINTER SOLUTIONS LTD	10 GRANARY WHARF BUSINESS, PARK, WETMORE ROAD, BURTON ON TRENT, STAFFORDSHIRE,	DE14 1DU
SMARTWAY PHARMACEUTICALS LIM	10 LYON ROAD, LONDON,	SW19 2RL
TECHNO-PATH (DISTRIBUTION) LTD	10-11 CHARTERHOUSE SQUARE, LONDON, GREATER LONDON,	EC1M 6EE
VITAMINS DIRECT (UK) LIMITED	100 AVEBURY BOULEVARD, MILTON KEYNES, BUCKINGHAMSHIRE,	MK9 1FH
RIVOPHARM (UK) LTD	100 BISHOPGATE, LONDON,	EC2N 4AG
LONDON CLINIC OF NUTRITION LIMITED	100 SEYMOUR PLACE, LONDON, GREATER LONDON,	W1H 1NE
HOLLISTER LIMITED	1010 ESKDALE RD., WINNERSH TRIANGLE BUSINESS PAR, WINNERSH, WOKINGHAM,	RG41 5TS
HEALTHCARE AT HOME LTD	107 STATION STREET, BURTON-ON-TRENT,	DE14 1SZ
HEALTHCARE AT HOME LTD	107 STATION STREET, BURTON-ON-TRENT,	DE14 1SZ

(Nguồn: www.uktradeinfo.com)

4. Danh sách những mặt hàng dược phẩm Việt Nam nhập khẩu chủ yếu của Vương quốc Anh trong tháng 9/2023

Bảng 7: Danh sách những mặt hàng dược phẩm Việt Nam nhập của Vương quốc Anh trong tháng 9/2023

Tên hàng	Đơn vị tính	Trị giá (USD)
Tân Dược - Januvia 100mg (Sitagliptin (Dưới dạng sitagliptin...))	Kiện/Hộp/Bao/	80.127

Tên hàng	Đơn vị tính	Trị giá (USD)
100mg).Viên nén bao phim. Hộp 2 vỉ x 14 viên. Nhà SX: Organon Pharma (UK) Limited	Gói	
Vắc xin mẫu chuẩn ho gà toàn tế bào chuẩn quốc tế của WHO, HSX: NATIONAL INSTITUTE FOR BIOLOGICAL STANDARDS AND CONTROL (NIBSC), mã: 94/532, dùng trong kiểm định chất lượng vaccin. Mới 100%	ống	1.296
Mẫu chuẩn quốc tế WHO lần thứ 7 vắc xin đại, HSX: NATIONAL INSTITUTE FOR BIOLOGICAL STANDARDS AND CONTROL (NIBSC), mã: 16/204, dùng trong kiểm định chất lượng vaccin. Mới 100%	ống	1.854
Mẫu chuẩn quốc tế WHO lần thứ nhất thương hàn Vi, HSX: NATIONAL INSTITUTE FOR BIOLOGICAL STANDARDS AND CONTROL (NIBSC), mã: 16/126, dùng trong kiểm định chất lượng vaccin. Mới 100%	ống	925
Mẫu chuẩn quốc tế lần thứ 3 của WHO về huyết thanh kháng đại, HSX: NATIONAL INSTITUTE FOR BIOLOGICAL STANDARDS AND CONTROL (NIBSC), mã: 19/244, dùng trong kiểm định chất lượng vaccin. Mới 100%	ống	741
Mẫu chuẩn kháng huyết thanh cúm A/Sydney/5/2021-like (H1N1), HSX: NATIONAL INSTITUTE FOR BIOLOGICAL STANDARDS AND CONTROL (NIBSC), mã: 22/224, dùng trong kiểm định chất lượng vaccin. Mới 100%	Chai/ Lọ/ Tuýp	1.513
Phụ gia thực phẩm: ISONA C. Vitamin C (Axit Ascorbic) dùng trong ngành sx bia, 20kg/carton.Hàng mới 100%.NSX: 03/2023, HSD: 03/2026. Nsx: Perdomini IOC.	Kilogam	8.640
Sinh phẩm y tế : Kháng nguyên cúm A/Victoria/4897/2022 (IVR-238) (H1N1) (Code:22/320) 1gam/ống, dùng trong phòng thí nghiệm.Hàng mới 100%. Hãng sản xuất :NIBSC	ống	3.026
Sinh phẩm y tế : Mẫu chuẩn vắc xin BCG Tokyo 172 (Code: 07/272) 4mg/ống, dùng trong phòng thí nghiệm.Hàng mới 100%. Hãng sản xuất :NIBSC	ống	1.854
Sinh phẩm y tế : Mẫu chuẩn vắc xin BCG Đan Mạch 1331 (Code: 07/270) 6mg/ống, dùng trong phòng thí nghiệm.Hàng mới 100%. Hãng sản xuất :NIBSC	ống	1.854
Sinh phẩm y tế : Kháng nguyên cúm B/Austria/1359417/2021 (BVR-26) (B Victoria Lineage) (Code: 21/316) 1gam/ống, dùng trong phòng thí nghiệm.Hàng mới 100%. Hãng sản xuất :NIBSC	ống	757
Sinh phẩm y tế : Kháng nguyên cúm A/Darwin/9/2021 (IVR-228) (H3N2) (Code:21/318) 1gam/ống, dùng trong phòng thí nghiệm.Hàng mới 100%. Hãng sản xuất :NIBSC	ống	757
Sinh phẩm y tế : Kháng huyết thanh cúm A/Victoria/4897/2022- like (H1N1) HA Serum (Code:23/100) 2gam/ống, dùng trong phòng thí nghiệm.Hàng mới 100%. Hãng sản xuất :NIBSC	ống	2.270
Thuốc SEROQUEL XR (Quetiapin, dưới dạng Quetiapin fumarat, 50mg). Viên nén phóng thích kéo dài. Hộp 3 vỉ x 10viên. Batch:SK401. NSX:02/2023. HSD:02/2026. SĐK:VN-22285-19. NSX:AstraZeneca Pharmaceuticals LP	Kiện/Hộp/Bao/Gói	118.186
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng Olaparib 150mg/viên (32 viên nén/lọ). Lot no: 28843.5/1. Hạn dùng: 30/06/2025. Mã nghiên cứu: D9319C00001 Nhà sản xuất AstraZeneca AB. Hàng mới 100%	Chai/ Lọ/ Tuýp	8.304
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng Olaparib 150mg/viên (32 viên	Chai/ Lọ/ Tuýp	7.336

Tên hàng	Đơn vị tính	Trị giá (USD)
nén/lọ).Lot no: 28843.5/1. Hạn dùng: 30/06/2025. Mã nghiên cứu: D9319C00001 Nhà sản xuất AstraZeneca AB. Hàng mới 100%		
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng Dato-DXd (DS-1062a)(100mg/lọ) Lot No: 30350.533/1. Hạn dùng: 31/05/2024. Nhà sản xuất Baxter Oncology GmbH. Hàng mới 100%	Chai/ Lọ/ Tuýp	1.998
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng Dato-DXd (DS-1062a)(100mg/lọ) Lot No: 30350.533/1. Hạn dùng: 31/05/2024. Nhà sản xuất Baxter Oncology GmbH. Hàng mới 100%	Chai/ Lọ/ Tuýp	741
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng Olaparib 100mg/viên (32 viên nén/lọ).Lot no: 28843.1/1. Hạn dùng: 31/08/2024. Mã nghiên cứu: D9319C00001 Nhà sản xuất AstraZeneca AB. Hàng mới 100%	Chai/ Lọ/ Tuýp	1.223
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng Olaparib 150mg/viên (32 viên nén/lọ).Lot no: 28843.5/1. Hạn dùng: 30/06/2025. Mã nghiên cứu: D9319C00001 Nhà sản xuất AstraZeneca AB. Hàng mới 100%	Chai/ Lọ/ Tuýp	5.502
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng Dato-DXd (DS-1062a)(100mg/lọ) Lot No: 30350.533/1. Hạn dùng: 31/05/2024. Nhà sản xuất Baxter Oncology GmbH. Hàng mới 100%	Chai/ Lọ/ Tuýp	1.483
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng DURVALUMAB (MEDI4736) 50mg/ml (500mg/10ml/lọ) (hộp 3 lọ) Lot No: 30350.648/1. Hạn dùng: 30/04/2027 Nhà sx: Catalent Indiana LLC . Hàng mới 100%	Kiện/Hộp/Bao/Gói	1.888
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng DURVALUMAB (MEDI4736) 50mg/ml (500mg/10ml/lọ) (hộp 3 lọ) Lot No: 30350.648/1. Hạn dùng: 30/04/2027 Nhà sx: Catalent Indiana LLC . Hàng mới 100%	Kiện/Hộp/Bao/Gói	1.894
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng MEDI4736 DURVALUMAB 50mg/ml (500mg/10ml/lọ (hộp 3 lọ) Lot No: 30350.648/1. Hạn dùng: 30/04/2027. Nhà sx: Catalent Indiana LCC . Hàng mới 100%	Kiện/Hộp/Bao/Gói	1.906
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng MEDI4736 DURVALUMAB 50mg/ml (500mg/10ml/lọ (hộp 3 lọ) Lot No: 30350.648/1. Hạn dùng: 30/04/2027. Nhà sx: Catalent Indiana LCC . Hàng mới 100%	Kiện/Hộp/Bao/Gói	7.576
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng DURVALUMAB (MEDI4736) 50mg/ml (500mg/10ml/lọ) (hộp 3 lọ) Lot No: 30350.648/1. Hạn dùng: 30/04/2027 Nhà sx: Catalent Indiana LLC . Hàng mới 100%	Kiện/Hộp/Bao/Gói	3.776
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng MEDI4736 DURVALUMAB 50mg/ml 10ml/lọ (hộp 3 lọ) Lot No: 30350.648/1. Hạn dùng: 30/04/2027 Mã nghiên cứu: D926NC00001 Nhà sx: Catalent Indiana LCC . Hàng mới 100%	Kiện/Hộp/Bao/Gói	1.906
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng MEDI4736 DURVALUMAB 50mg/ml (500mg/10ml/lọ) (hộp 3 lọ) Lot No: 30350.648/1. Hạn dùng: 30/04/2027 Nhà sx: Catalent Indiana LCC . Hàng mới 100%	Kiện/Hộp/Bao/Gói	1.906
Thuốc nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng MEDI4736 DURVALUMAB 50mg/ml (500mg/10ml/lọ (hộp 3 lọ) Lot No: 30350.648/1. Hạn dùng: 30/04/2027. Nhà sx: Catalent Indiana LCC . Hàng mới 100%	Kiện/Hộp/Bao/Gói	5.721
Thuốc khử trùng, sát trùng thú y SHIFT (TM) X 5L. Số lô: 32568, 32966. Ngày sản xuất: 06/2023, 07/2023. Hạn sử dụng: 05/2026, 06/2026. GP: 494/QLT-NK-18. Số ĐKLH: EVE-03.	Chai/ Lọ/ Tuýp	14.092
Nước mắt nhân tạo Pharmacity Eye Drops Vitamin A&E, 1hộp=1lọ=10ml, lot: EME02, ngày sản xuất 12/2022, ngày hết hạn 11/2025, Nsx: East Midlands Pharma Ltd, mới 100%	Cái/Chiếc	4.520
Dung dịch nhỏ mắt Vizulize Vitamin A & E - Vizulize Vitamin A&E Dry Eye Drops - 10ml, product code: VIZAE, dung tích: 10ml, HSD: 11/2025 (Lot EME03),(giảm khô mắt và kích ứng), hàng mới 100%.	UNIT	8.607

Tên hàng	Đơn vị tính	Trị giá (USD)
Dung dịch nhỏ mắt Vizulize giảm mệt mỏi mắt - Vizulize Tired Eye Drops 15ml, product code: VIZHED, dung tích: 15ml, HSD: 05/2026 (Lot EMP151), hàng mới 100%.	UNIT	11.702
Nước mắt nhân tạo Vizulize Hypromellose - Vizulize Hypromellose Eye Drops - 10ml, product code: VIZHYPRO, dung tích: 10ml, HSD: 03/2026 - Lot EMP147 & HSD: 02/2023 - EMP143, hàng mới 100%	UNIT	29.252
Tân dược: NOLVADEX-D (Tamoxifen (dưới dạng tamoxifen citrat) 20mg). Hộp 3 vỉ x 10 viên. Viên nén bao phim. Lot: SK025;SK102. NSX: 04/2023. NHH: 04/2028. VN-19007-15. Nhà SX: AstraZeneca UK Ltd	Kiện/Hộp/Bao/Gói	216.385
Tân dược: LYNPARZA (Olaparib 150mg). Hộp 7 vỉ x 8 viên, Viên nén bao phim. LOT:SK067. NSX: 11/2022. NHH: 11/2026. VN3-307-21. Nhà SX: AbbVie Limited (Cơ sở đóng gói và xuất xưởng lô: AstraZeneca UK Limited)	Kiện/Hộp/Bao/Gói	329.199
Tân dược: FORXIGA (Dapagliflozin 10mg). Hộp 2 vỉ x 14 viên. Lot: SJ814. NSX: 03/2023. NHH: 03/2026. VN3-37-18. Nhà SX: AstraZeneca pharmaceuticals LP	Kiện/Hộp/Bao/Gói	1.182.321
Tân dược: IRESSA (Gefitinib 250mg). Hộp 1 túi nhôm x 3 vỉ x 10 viên. Lot: SJ693. NSX: 09/2022. NHH: 09/2025. VN-21669-19. Nhà SX: Nipro Pharma Corporation, Kagamiishi Plant	Kiện/Hộp/Bao/Gói	1.601.404
Tân dược: LYNPARZA (Olaparib 150mg). Hộp 7 vỉ x 8 viên, Viên nén bao phim. Lot: SK055;SK052;SK054. NSX: 10;11/2022. HH: 10;11/2026. VN3-307-21.	Kiện/Hộp/Bao/Gói	867.944
Tân dược: FORXIGA (Dapagliflozin 10mg). Hộp 2 vỉ x 14 viên. Lot: SJ487. NSX: 03/2023. NHH: 03/2026. VN3-37-18. Nhà SX: AstraZeneca pharmaceuticals LP	Kiện/Hộp/Bao/Gói	668.194
Tân dược: FORXIGA (Dapagliflozin 10mg). Hộp 2 vỉ x 14 viên. Lot: SJ487. NSX: 03/2023. NHH: 03/2026. VN3-37-18. Nhà SX: AstraZeneca pharmaceuticals LP	Kiện/Hộp/Bao/Gói	668.194
Tân dược : ZOLADEX (Goserelin (dưới dạng Goserelin acetat) 3,6mg), Hộp 1 bơm tiêm có thuốc; Thuốc tiêm dưới da (cây phóng thích chậm), Lot: SJ586, NSX: 04/2023, NHH: 04/2025 [VN-20226-17]	Kiện/Hộp/Bao/Gói	589.132
Tân dược: NOLVADEX-D (Tamoxifen (dưới dạng tamoxifen citrat) 20mg). Hộp 3 vỉ x 10 viên. Viên nén bao phim. Lot: SJ530. NSX: 03/2023. NHH: 03/2028. VN-19007-15. Nhà SX: AstraZeneca UK Ltd	Kiện/Hộp/Bao/Gói	128.829
Tân dược FLIXOTIDE EVOHALER (Fluticasone propionate 125mcg/liều xịt). Hộp 1 bình xịt 120 liều. LOT: 993L, NSX: 28/07/2023, HSD: 28/07/2025. SĐK: VN-16267-13. Nhà SX: Glaxo Wellcome S.A.	Kiện/Hộp/Bao/Gói	41.556
Tân dược: Propess (Dinoprostone 10 mg); Hệ phân phối thuốc đặt âm đạo; Hộp 1 túi x 1 hệ phân phối thuốc đặt âm đạo. SĐK: VN2-609-17. Batch: MA23Q05BA, MA22H09B2A. NSX: 05/2023, 02/2022. HD: 05/2026, 02/2025.	Kiện/Hộp/Bao/Gói	237.193
Huyết thanh cừu (đã được tách chất chống đông) dùng làm NLSX môi trường nuôi cấy vi sinh vật, dùng trong phòng thí nghiệm, mã: DSB1L, 1 lít/túi, mới 100%, lot: 690, 691, 694, 698, 726, 729, HD: 23/10, 27/10, 31/10	Túi	2.474
Huyết thanh ngựa (đã được tách chất chống đông) dùng làm NLSX môi trường nuôi cấy vi sinh vật, dùng trong phòng thí nghiệm, mã: DHB1L, 1 lít/túi, mới 100%, lot: 672, 684, 685, 699, 700, HD: 24/10, 25/10/2023	Túi	1.390

Tên hàng	Đơn vị tính	Trị giá (USD)
Tân dược: Hyzaar 50mg/12.5mg (Losartan potassium 50mg; Hydrochlorothiazide 12,5mg). Viên nén bao phim. Hộp 2 vỉ x 14 viên. Lot: A102009. NSX: 28/06/2023. HD: 28/06/2025. SĐK: VN-20812-17.	Kiện/Hộp/Bao/Gói	157.986
Tân dược: Budesonide Teva 0,5mg/2ml (Budesonide, 0,5mg/2ml) Hỗn dịch khí dung. Hộp 30 ống 2ml. Lot: 14265. NSX: 06/2023 - HD: 05/2025. SĐK: VN-15282-12.	Kiện/Hộp/Bao/Gói	333.533

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu www.uktradeinfo.com)

PHẦN II. CẬP NHẬT CÁC QUY ĐỊNH, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH DƯỢC PHẨM TẠI VƯƠNG QUỐC ANH VÀ BẮC AI LEN

1. Một số quy định đặc biệt về việc xuất khẩu thuốc và dược phẩm ở Vương quốc Anh

Cơ quan quản lý thuốc và các sản phẩm y tế của Vương quốc Anh (MHRA) vừa ban hành quy định về một số loại thuốc đặc biệt cần phải được cấp phép trước khi đưa ra khỏi Vương quốc Anh, chẳng hạn như:

- Các loại thuốc được kiểm soát như opioid, một số chất kích thích hoặc chất hướng thần.
- Một số loại thuốc có thể được sử dụng như thuốc độc bên ngoài EU.
- Thuốc cho người hoặc động vật.

Sẽ có một quy định khác dành cho những người muốn sử dụng những loại thuốc được kiểm soát cho mục đích cá nhân. Ví dụ, mang theo thuốc vào kỳ nghỉ...

Thuốc được kiểm soát

Nếu thuốc nằm trong danh sách bị kiểm soát, cần phải có giấy phép thuốc do Bộ Nội vụ cấp để xuất khẩu thuốc đó. Giấy phép này bổ sung cho bất kỳ giấy phép nội địa nào mà bạn cần để sở hữu thuốc ở Vương quốc Anh.

Nếu thuốc không có trong danh sách nhưng có thể có các đặc tính của thuốc bị kiểm soát, cần phải kiểm tra luật pháp liên quan để tìm hiểu xem thuốc đó có bị kiểm soát hay không. Danh sách các loại thuốc được kiểm soát phổ biến có liên kết đến các quy định pháp luật liên quan.

Những loại thuốc có thể dùng như thuốc độc

Nếu sản phẩm đang xuất khẩu có chứa chất có thể được sử dụng như thuốc độc, đơn đăng ký chương trình chứng nhận xuất khẩu VMD phải được hỗ trợ bằng cách nộp giấy phép xuất khẩu do Đơn vị liên hợp kiểm soát xuất khẩu (Cục Kinh doanh và Thương mại DBT cấp).

Tuân thủ các quy định về xuất khẩu thuốc an thần.

Các loại thuốc để xuất khẩu bao gồm thuốc thú y và thuốc cho người, cần phải:

- Kiểm tra xem có đầy đủ thông tin về nhà sản xuất thuốc, đại lý bán buôn và giấy phép tiếp thị - nếu không, hãy xin giấy phép
- Kiểm tra xem có cần giấy chứng nhận xuất khẩu hay không - hãy liên hệ với nhà nhập khẩu hoặc cơ quan có thẩm quyền ở quốc gia đến để tìm hiểu.

Có những quy định bổ sung nếu thuốc được bọc hoặc chứa các sản phẩm động vật như gelatine.

Giấy chứng nhận xuất khẩu thuốc dùng cho người

Có 5 loại chứng chỉ. Việc sử dụng loại nào sẽ phụ thuộc vào yêu cầu của nước nhập khẩu.

1. Giấy chứng nhận sản phẩm dược phẩm (được cấp phép)

Giấy chứng nhận hiển thị chi tiết bao gồm:

- Người giữ giấy phép tiếp thị
- Các hoạt chất và tá dược
- Các cơ sở sản xuất, đóng gói và xuất xưởng hàng loạt
- Sản phẩm có được bán trên thị trường ở Vương quốc Anh hay không

2. Giấy chứng nhận sản phẩm dược phẩm (không có giấy phép)

Thuốc phải được sản xuất ở Anh và bạn phải có giấy phép sản xuất thuốc.\

3. Giấy chứng nhận tình trạng sản xuất

Giấy chứng nhận xác nhận các địa điểm có tên trên giấy phép của nhà sản xuất được chỉ định đáp ứng các yêu cầu thực hành sản xuất tốt. Tất cả hoặc bất kỳ địa điểm nào có tên trên giấy phép sản xuất đều có thể được liệt kê trên giấy chứng nhận.

Chứng chỉ sẽ không hiển thị bất kỳ thông tin cụ thể nào về sản phẩm.

4. Giấy chứng nhận tình trạng cấp phép

Giấy chứng nhận tình trạng cấp phép dành cho các đại lý nhập khẩu phải sàng lọc hồ sơ dự thầu của đấu thầu quốc tế đối với các sản phẩm được cấp phép hoặc không có giấy phép (không bao gồm các sản phẩm đặc biệt).

Chúng chỉ có giới hạn 10 sản phẩm và một quốc gia cho mỗi chứng chỉ.

Tên sản phẩm, dạng bào chế, hoạt chất và hàm lượng phải trùng với giấy phép sản phẩm của thuốc (nếu được cấp phép).

5. Giấy chứng nhận nhập khẩu thành phần dược phẩm

Hoạt chất hoặc tá dược cụ thể phải có dạng:

- Y học con người được cấp phép hiện hành
- Dược điển quốc gia hoặc quốc tế (tiêu chuẩn chính thức cho dược chất và thuốc)

Cơ sở sản xuất phải có giấy chứng nhận kiểm tra hợp lệ từ Cơ quan quản lý thuốc và sản phẩm chăm sóc sức khỏe (MHRA).

Giấy chứng nhận là quốc gia và thành phần cụ thể. Giấy chứng nhận chỉ có thể dành cho một chức năng của cơ sở, ví dụ như sản xuất, đóng gói hoặc xuất xưởng theo lô. Bạn có thể đăng ký chứng chỉ cho từng chức năng.

Giấy chứng nhận xuất khẩu thuốc dùng cho động vật

Có 5 loại chứng chỉ, phụ thuộc vào yêu cầu của quốc gia bạn đang xuất khẩu:

Defra-2

Chứng chỉ Defra-2 và thông tin đi kèm với nó cho thấy sản phẩm xuất khẩu được phép bán và cung cấp tại Vương quốc Anh.

Defra-1 và Defra-3

Cả Defra-1 và Defra-3 đều hiển thị:

- Sản phẩm được sản xuất tại Anh
- Sản phẩm đáp ứng yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP)
- Địa chỉ hành chính Vương quốc Anh
- Địa chỉ cơ sở sản xuất ở Vương quốc Anh
- Các hoạt động được ủy quyền tại các cơ sở sản xuất ở Vương quốc Anh

Đối với Defra-1, bạn cần điền vào một lịch trình cho phép bạn cung cấp thêm thông tin cụ thể về việc xuất của mình. Bạn không có tùy chọn này với Defra-3.

Defra-4

Chúng chỉ Defra-4 và thông tin đi kèm với nó hiển thị cả hai:

- Những điều tương tự như trong chứng chỉ Defra-1 và Defra-3
- Các hoạt chất trong sản phẩm có sẵn trong sản phẩm được Vương quốc Anh ủy quyền

Defra-SFA

Chúng chỉ Defra-SFA dành cho các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi được chỉ định (SFA). Nó có thể hiển thị:

- Những điều tương tự như trong chứng chỉ Defra-1 và Defra-3
- Sản phẩm được Vương quốc Anh ủy quyền

2. Những loại thuốc không thể xuất khẩu hoặc tích trữ tại Vương quốc Anh

Bảng 8: Những loại thuốc không thể xuất khẩu từ Vương quốc Anh hoặc tích trữ

Tên thuốc	Liều lượng	Dạng	Ngày ban hành lệnh
Alfentanil	Tất cả	Dung dịch tiêm	23/03/2020 00:00
Alteplase	Tất cả	Tất cả	4/8/2022 0:00
Amiodarone	Tất cả	Dung dịch tiêm	23/03/2020 00:00
Amoxicillin	Tất cả	Tất cả	14/12/2022 00:00
Argipressin	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Atomoxetine	Tất cả	Tất cả	10/10/2023 0:00
Atracurium	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Azithromycin	Tất cả	Tất cả	14/12/2022 00:00
Bumetanide	Tất cả	Viên	10/10/2023 0:00
Bupivacaine + Fentanyl	312.5mg/250ml (0.125%) + 500micrograms/250ml, 625mg/500ml (0.125%) + 1mg/500ml	Dung dịch tiêm	30/09/2023 00:00
Cefalexin	Tất cả	Tất cả	14/12/2022 00:00
Ceftriaxone	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Cisatracurium	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Clarithromycin	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Clonidine	Tất cả	Viên	23/03/2020 00:00

Tên thuốc	Liều lượng	Dạng	Ngày ban hành lệnh
Co-amoxiclav	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Codeine	Tất cả	Tất cả	4/4/2020 0:00
Conjugated oestrogens and medroxyprogesterone acetate	Tất cả	Tất cả	24/06/2022 00:00
Dalteparin	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Dexamethasone	Tất cả	Tất cả	24/04/2020 00:00
Dexamfetamine sulfate	Tất cả	Tất cả	10/10/2023 0:00
Diamorphine	Tất cả	Dung dịch tiêm	30/09/2023 00:00
Dulaglutide	Tất cả	Dung dịch tiêm	17/06/2023 00:00
Erythromycin	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Estradiol	Tất cả	Tất cả	4/10/2019 0:00
Estradiol + Levonorgestrel	Tất cả	Tất cả	4/10/2019 0:00
Estriol	Tất cả	Tất cả	24/06/2022 00:00
Exenatide	Tất cả	Dung dịch tiêm	17/06/2023 00:00
Flucloxacillin All	Tất cả	Tất cả	20/12/2022 00:00
Gentamicin	Tất cả	Dung dịch tiêm	23/03/2020 00:00
Glucagon	Tất cả	Bột pha tiêm, Dung dịch tiêm	29/04/2023 00:00
Glycopyrronium bromide	Tất cả	Dung dịch tiêm	24/04/2020 00:00
Guanfacine	Tất cả	Tất cả	10/10/2023 0:00
Haloperidol	Tất cả	Dung dịch uống, hỗn dịch uống, dung dịch tiêm	24/04/2020 00:00
Heparin	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Human corticotrophin releasing hormone (hCRH) (Unlicensed)	Tất cả	Tất cả	30/09/2023 00:00
Hydrocortisone	Tất cả	Bột pha dung dịch tiêm	23/03/2020 00:00
Hyoscine hydrobromide	1.5mg	Patches	10/10/2023 0:00
Insulin degludec + Liraglutide	100units/ml + 3.6mg/ml	Dung dịch tiêm	17/06/2023 00:00
Ketamine	Tất cả	Dung dịch tiêm	30/09/2023 00:00
Levobupivacaine	Tất cả	Dịch truyền	30/09/2023 00:00
Levofloxacin	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Levomepromazine	Tất cả	Tất cả	4/4/2020 0:00
Linezolid	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Liraglutide	6mg/ml	Dung dịch tiêm	17/06/2023 00:00
Lisdexamfetamine mesylate	Tất cả	Tất cả	10/10/2023 0:00
Lorazepam	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Metaraminol	Tất cả	Tất cả	24/04/2020 00:00

Tên thuốc	Liều lượng	Dạng	Ngày ban hành lệnh
Methylphenidate hydrochloride	Tất cả	Tất cả	10/10/2023 0:00
Midazolam	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Molnupiravir	Tất cả	Tất cả	24/02/2023 00:00
Nirmatrelvir/ritonavir	Tất cả	Tất cả	24/02/2023 00:00
Noradrenaline	Tất cả	Dung dịch tiêm	23/03/2020 00:00
Oseltamivir	Tất cả	Tất cả	20/12/2022 00:00
Oxycodone	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Pantoprazole	Tất cả	Hỗn dịch uống, bột pha dung dịch tiêm	23/03/2020 00:00
Paracetamol	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Permethrin	5%	Cream	26/08/2023 00:00
phenoxymethylpenicillin	Tất cả	Tất cả	14/12/2022 00:00
Prochlorperazine	Tất cả	Tất cả	4/4/2020 0:00
Progesterone	100mg	Viên nang uống	25/05/2023 00:00
Propofol	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Remifentanil	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Rocuronium	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Semaglutide	Tất cả	Dung dịch tiêm, dung dịch truyền, viên nén	17/06/2023 00:00
Tenecteplase	Tất cả	Tất cả	4/8/2022 0:00
Tinzaparin	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Voriconazole	Tất cả	Tất cả	23/03/2020 00:00
Zanamivir	Tất cả	Tất cả	20/12/2022 00:00

(Nguồn: Cổng thông tin Chính phủ Anh)

